ÔN TẬP
ĐỊA LÍ LỚP 12

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Giới thiệu về Atlat Địa lí Việt Nam	I
Hướng dẫn khai thác Atlat Địa lí Việt Nam	II
Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam để trả lời một số câu hỏi	III
Trao đổi, thảo luận	IV

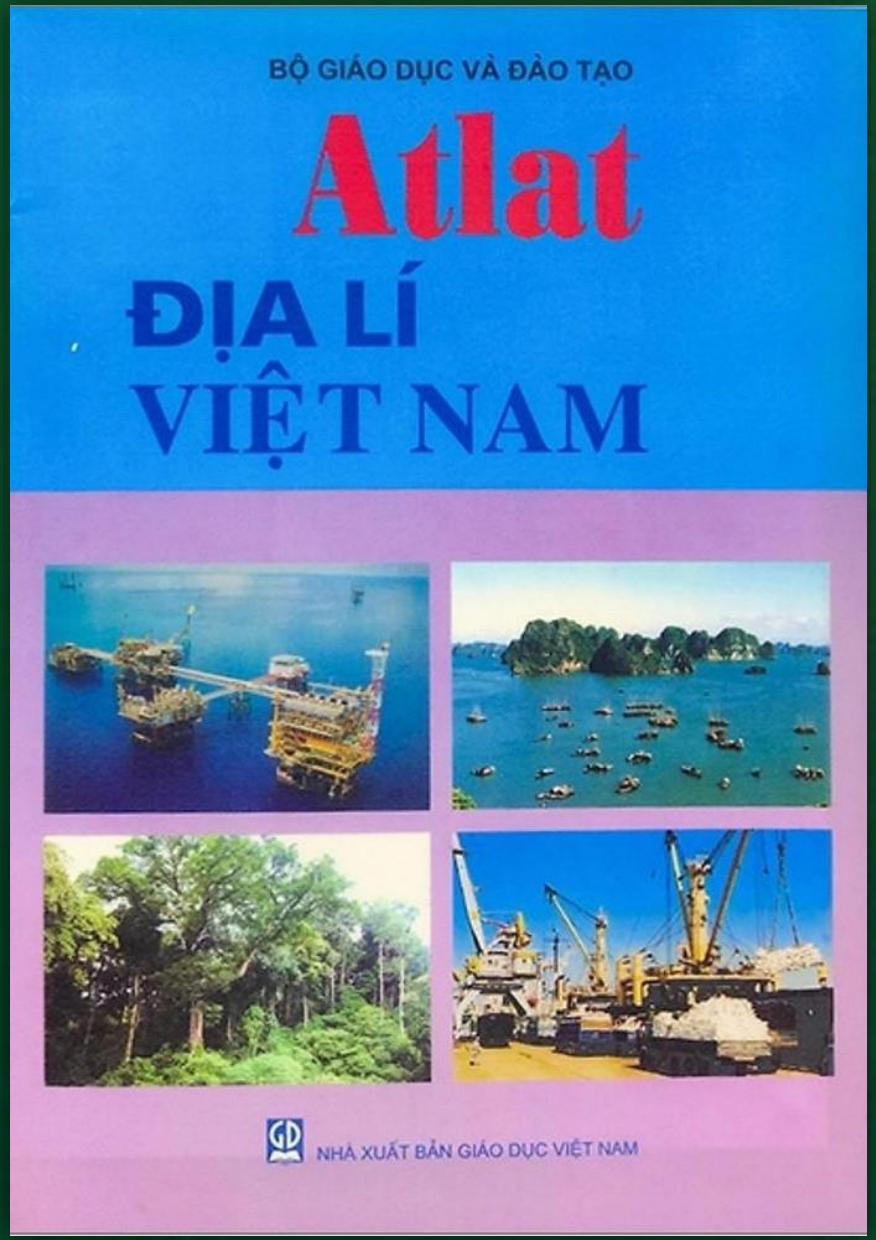

I. GIỚI THIỆU VỀ ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

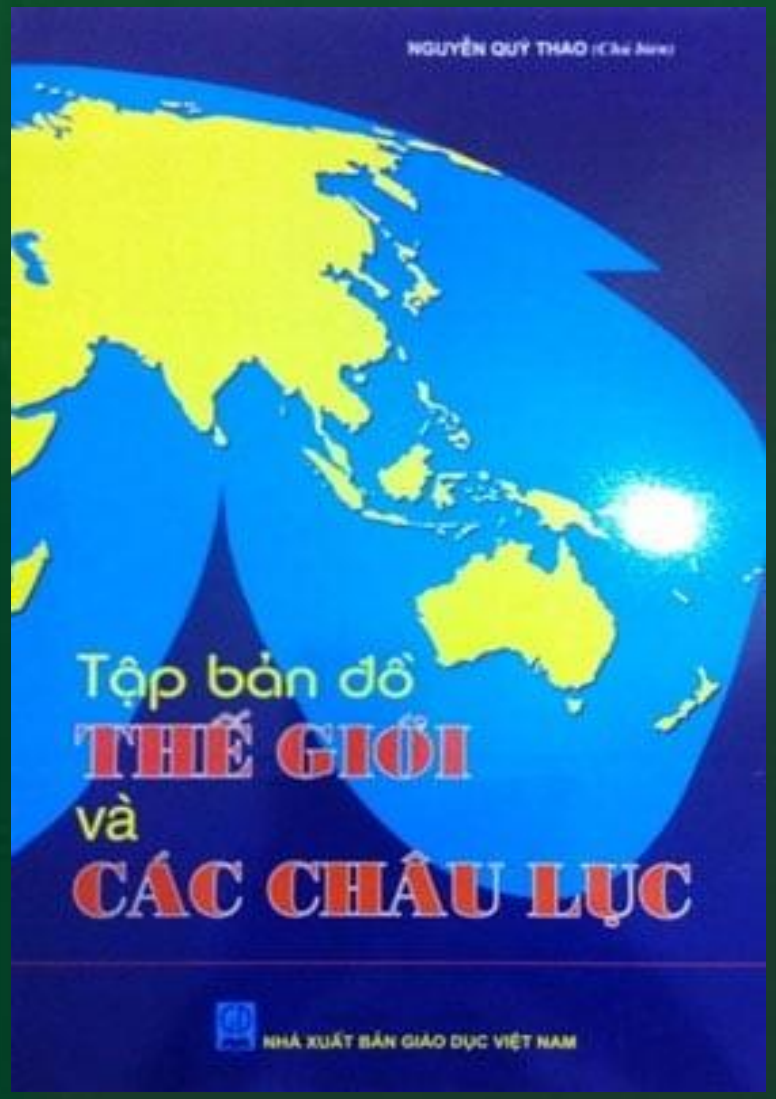

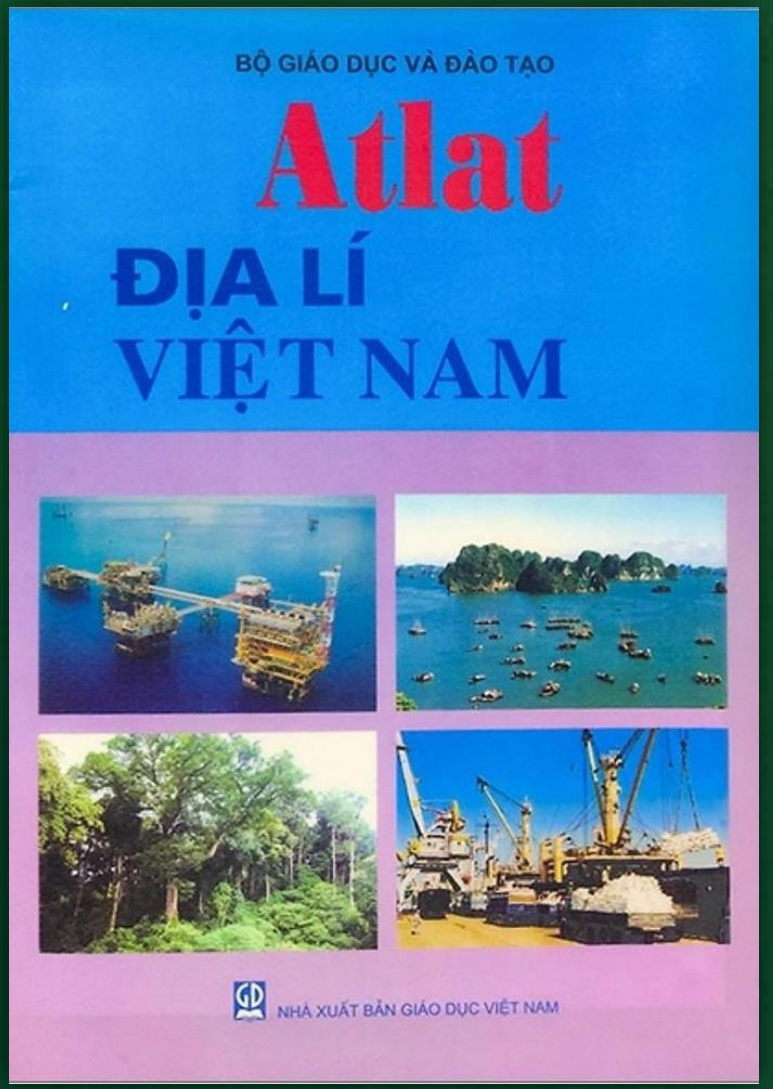

Vai trò của Atlat Địa lí Việt Nam

Là tài liệu học tập và tra cứu kiến thức Địa lí

Giúp học sinh rèn luyện các kĩ năng Địa lí, phương pháp học tập và năng lực nghiên cứu

Sử dụng trong các kì thi

I. GIỚI THIỆU VỀ ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Cấu trúc chung của Atlat Địa lí Việt Nam và mối quan hệ với nội dung kiến thức SGK địa lí 12

MỤC LỤC

Trang		Tỉ lệ
2	LỜI NÓI ĐẦU	
3	KÍ HIỆU CHUNG	
4-5	HÀNH CHÍNH	1 : 6 000 000
6-7	HÌNH THỂ	1 : 6 000 000
8	ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN	1 : 6 000 000
	ĐỊA CHẤT BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC VÙNG KẾ CẬN	1 : 24 000 000
9	KHÍ HẬU	
	KHÍ HẬU CHUNG	1 : 9 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM	1 : 18 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG I	1 : 18 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG VII	1 : 18 000 000
	LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NĂM	1 : 18 000 000
	TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG V - X	1 : 18 000 000
	TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG XI - IV	1 : 18 000 000
10	CÁC HỆ THỐNG SÔNG	1 : 6 000 000
11	CÁC NHÓM VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH	1 : 6 000 000
12	THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	1 : 6 000 000
	PHÂN KHU ĐỊA LÍ ĐỘNG VẬT	1 : 18 000 000
13	CÁC MIỀN TỰ NHIÊN	
	A- MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ	1 : 3 000 000
	B- MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ	1 : 3 000 000
14	CÁC MIỀN TỰ NHIÊN	
	C- MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ	1 : 3 000 000
15	DÂN SỐ	1 : 6 000 000
16	DÂN TỘC	1 : 6 000 000
17	KINH TẾ CHUNG	1 : 6 000 000
18	NÔNG NGHIỆP CHUNG	1 : 6 000 000
19	NÔNG NGHIỆP	
	LÚA	1 : 9 000 000
	CÂY CÔNG NGHIỆP	1 : 9 000 000
	CHĂN NUÔI	1 : 9 000 000
20	LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN	
	LÂM NGHIỆP	1 : 9 000 000
	THUỶ SẢN	1 : 9 000 000
21	CÔNG NGHIỆP CHUNG	1 : 6 000 000
22	CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM	
	CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG	1 : 9 000 000
	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM	1 : 9 000 000
	CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG	1 : 9 000 000
23	GIAO THÔNG	1 : 6 000 000
24	THƯƠNG MẠI	1 : 9 000 000
	NGOẠI THƯƠNG	1 : 180 000 000
25	DU LỊCH	1 : 6 000 000
26	VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
27	VÙNG BẮC TRUNG BỘ	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
28	VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, VÙNG TÂY NGUYÊN	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
29	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
30	CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM	
	VỊ TRÍ VÀ PHÂN BỐ CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM	1 : 12 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC	1 : 3 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG	1 : 3 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM	1 : 3 000 000
31	MỤC LỤC	

MỤC LỤC

Trang		Tỉ lệ
2	LỜI NÓI ĐẦU	
3	KÍ HIỆU CHUNG	
4-5	HÀNH CHÍNH	1 : 6 000 000
6-7	HÌNH THỂ	1 : 6 000 000
8	ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN	1 : 6 000 000
	ĐỊA CHẤT BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC VÙNG KẾ CẬN	1 : 24 000 000
9	KHÍ HẬU	
	KHÍ HẬU CHUNG	1 : 9 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM	1 : 18 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG I	1 : 18 000 000
	NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG VII	1 : 18 000 000
	LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NĂM	1 : 18 000 000
	TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG V - X	1 : 18 000 000
	TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG XI - IV	1 : 18 000 000
10	CÁC HỆ THỐNG SÔNG	1 : 6 000 000
11	CÁC NHÓM VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH	1 : 6 000 000
12	THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	1 : 6 000 000
	PHÂN KHU ĐỊA LÍ ĐỘNG VẬT	1 : 18 000 000
13	CÁC MIỀN TỰ NHIÊN	
	A- MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ	1 : 3 000 000
	B- MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ	1 : 3 000 000
14	CÁC MIỀN TỰ NHIÊN	

Tự nhiên

Dân cư

Ngành kinh tế

Vùng kinh tế

15 –	DÂN SỐ	1 : 6 000 000
16 –	DÂN TỘC	1 : 6 000 000
17 –	KINH TẾ CHUNG	1 : 6 000 000
18 –	NÔNG NGHIỆP CHUNG	1 : 6 000 000
19 –	NÔNG NGHIỆP	
	LÚA	1 : 9 000 000
	CÂY CÔNG NGHIỆP	1 : 9 000 000
	CHĂN NUÔI	1 : 9 000 000
20 –	LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN	
	LÂM NGHIỆP	1 : 9 000 000
	THUỶ SẢN	1 : 9 000 000
21 –	CÔNG NGHIỆP CHUNG	1 : 6 000 000
22 –	CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM	
	CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG	1 : 9 000 000
	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM	1 : 9 000 000
	CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG	1 : 9 000 000
23 –	GIAO THÔNG	1 : 6 000 000
24 –	THƯƠNG MẠI	1 : 9 000 000
	NGOẠI THƯƠNG	1 : 180 000 000
25 –	DU LỊCH	1 : 6 000 000
26 –	VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
27 –	VÙNG BẮC TRUNG BỘ	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
28 –	VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, VÙNG TÂY NGUYÊN	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
29 –	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	
	TỰ NHIÊN	1 : 3 000 000
	KINH TẾ (NĂM 2007)	1 : 3 000 000
30 –	CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM	
	VỊ TRÍ VÀ PHÂN BỐ CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM	1 : 12 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC	1 : 3 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG	1 : 3 000 000
	VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM	1 : 3 000 000
31 –	MỤC LỤC	

I. GIỚI THIỆU VỀ ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Cấu trúc chung của Atlat Địa lí Việt Nam và mối quan hệ với nội dung kiến thức SGK địa lí 12

Phần 1

Địa lí tự nhiên (trang 4 đến trang 14)

Phần 2

Địa lí dân cư (trang 15 và trang 16)

Phần 3

Địa lí các ngành kinh tế (từ trang 17 đến trang 25)

Phần 4

Địa lí các vùng kinh tế (từ trang 26 đến trang 30)

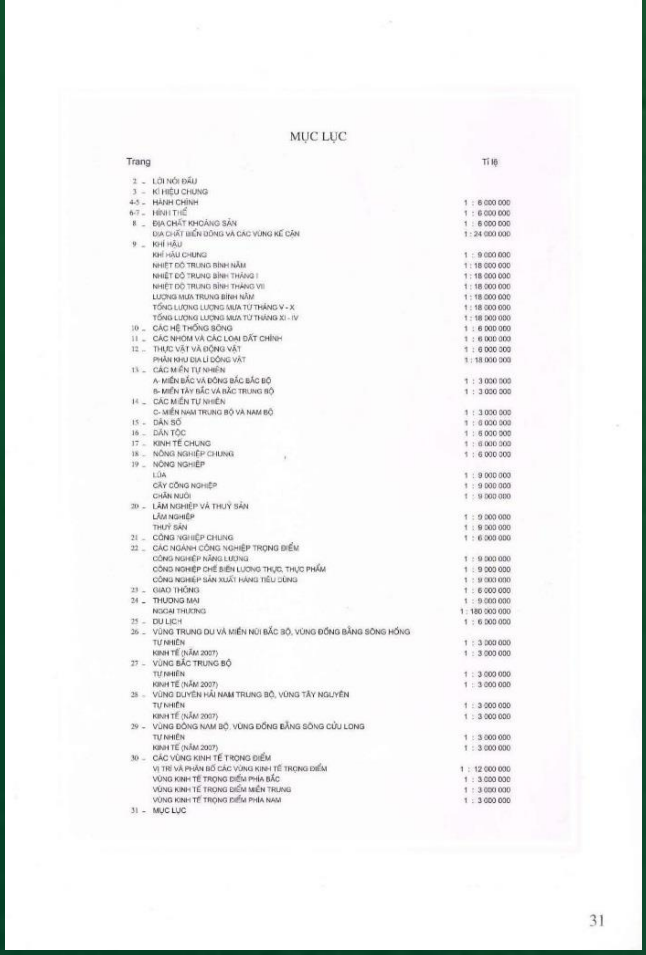

MỤC LỤC

Trang — Tỉ lệ

2 – LỜI NÓI ĐẦU
3 – KÍ HIỆU CHUNG
4-5 – HÀNH CHÍNH — 1 : 6 000 000
6-7 – HÌNH THỂ — 1 : 6 000 000
8 – ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN — 1 : 6 000 000
ĐỊA CHẤT BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC VÙNG KẾ CẬN — 1 : 24 000 000
9 – KHÍ HẬU
KHÍ HẬU CHUNG — 1 : 9 000 000
NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM — 1 : 18 000 000
NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG I — 1 : 18 000 000
NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG VII — 1 : 18 000 000
LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NĂM — 1 : 18 000 000
TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG V - X — 1 : 18 000 000
TỔNG LƯỢNG LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG XI - IV — 1 : 18 000 000
10 – CÁC HỆ THỐNG SÔNG — 1 : 6 000 000
11 – CÁC NHÓM VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH — 1 : 6 000 000
12 – THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT — 1 : 6 000 000
PHẦN KHU ĐỊA LÍ ĐỘNG VẬT — 1 : 18 000 000
13 – CÁC MIỀN TỰ NHIÊN
A- MIỀN BẮC VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ — 1 : 3 000 000
B- MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ — 1 : 3 000 000
14 – CÁC MIỀN TỰ NHIÊN
C- MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ — 1 : 3 000 000
15 – DÂN SỐ — 1 : 6 000 000
16 – DÂN TỘC — 1 : 6 000 000
17 – KINH TẾ CHUNG — 1 : 6 000 000
18 – NÔNG NGHIỆP CHUNG — 1 : 6 000 000
19 – NÔNG NGHIỆP
LÚA — 1 : 9 000 000
CÂY CÔNG NGHIỆP — 1 : 9 000 000
CHĂN NUÔI — 1 : 9 000 000
20 – LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN
LÂM NGHIỆP — 1 : 9 000 000
THUỶ SẢN — 1 : 9 000 000
21 – CÔNG NGHIỆP CHUNG — 1 : 6 000 000
22 – CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM
CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG — 1 : 9 000 000
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM — 1 : 9 000 000
CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG — 1 : 9 000 000
23 – GIAO THÔNG — 1 : 6 000 000
24 – THƯƠNG MẠI — 1 : 9 000 000
NGOẠI THƯƠNG — 1 : 180 000 000
25 – DU LỊCH — 1 : 6 000 000
26 – VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
TỰ NHIÊN — 1 : 3 000 000
KINH TẾ (NĂM 2007) — 1 : 3 000 000
27 – VÙNG BẮC TRUNG BỘ
TỰ NHIÊN — 1 : 3 000 000
KINH TẾ (NĂM 2007) — 1 : 3 000 000
28 – VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, VÙNG TÂY NGUYÊN
TỰ NHIÊN — 1 : 3 000 000
KINH TẾ (NĂM 2007) — 1 : 3 000 000
29 – VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TỰ NHIÊN — 1 : 3 000 000
KINH TẾ (NĂM 2007) — 1 : 3 000 000
30 – CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM
VỊ TRÍ VÀ PHÂN BỐ CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM — 1 : 12 000 000
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC — 1 : 3 000 000
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG — 1 : 3 000 000
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM — 1 : 3 000 000
31 – MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

2. Nội dung 1 trang Atlat

Nội dung chính:

Là những nội dung được thể hiện trên bản đồ chính.

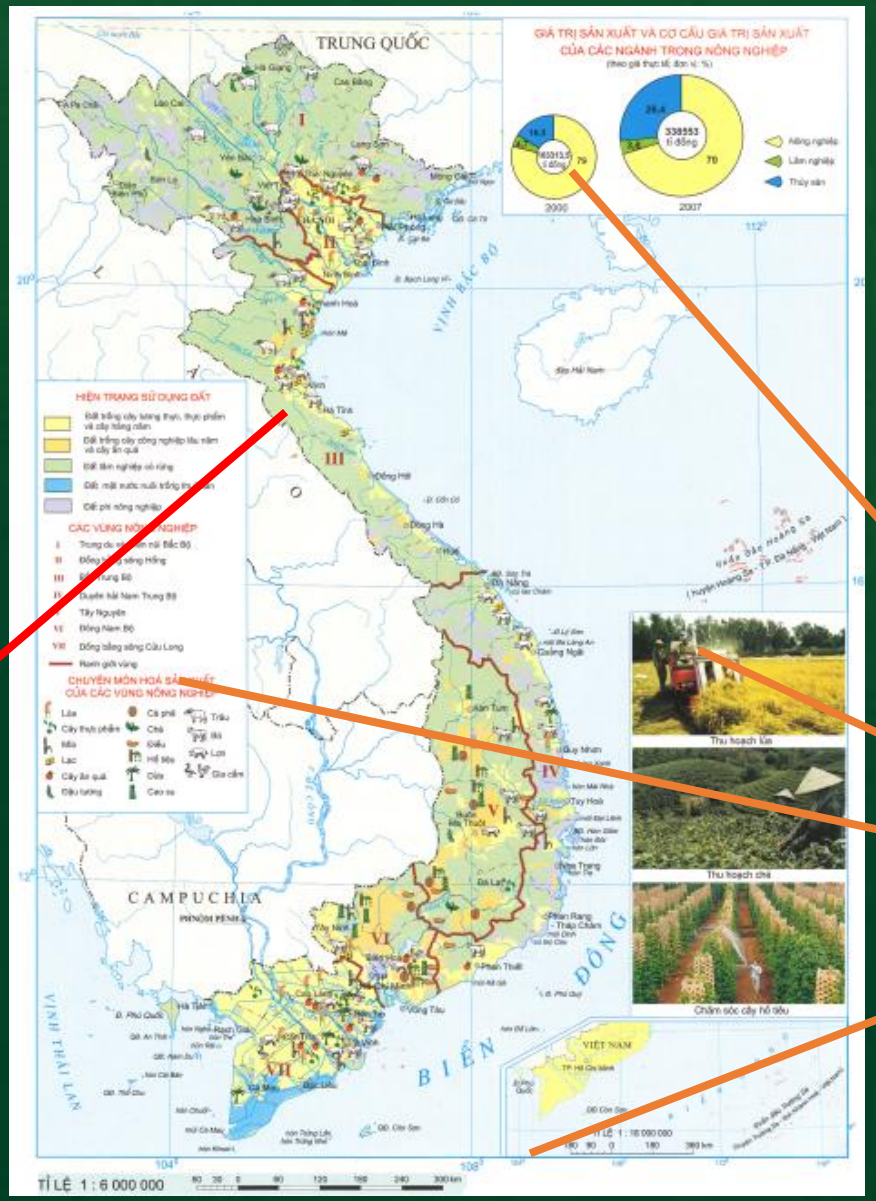

Nội dung phụ gồm :

bản đồ phụ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng chú giải, tỉ lệ bản đồ…

Nội dung chính

Nội dung phụ

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Một số lưu ý khi khai thác Atlat

a. Hiểu hệ thống kí hiệu

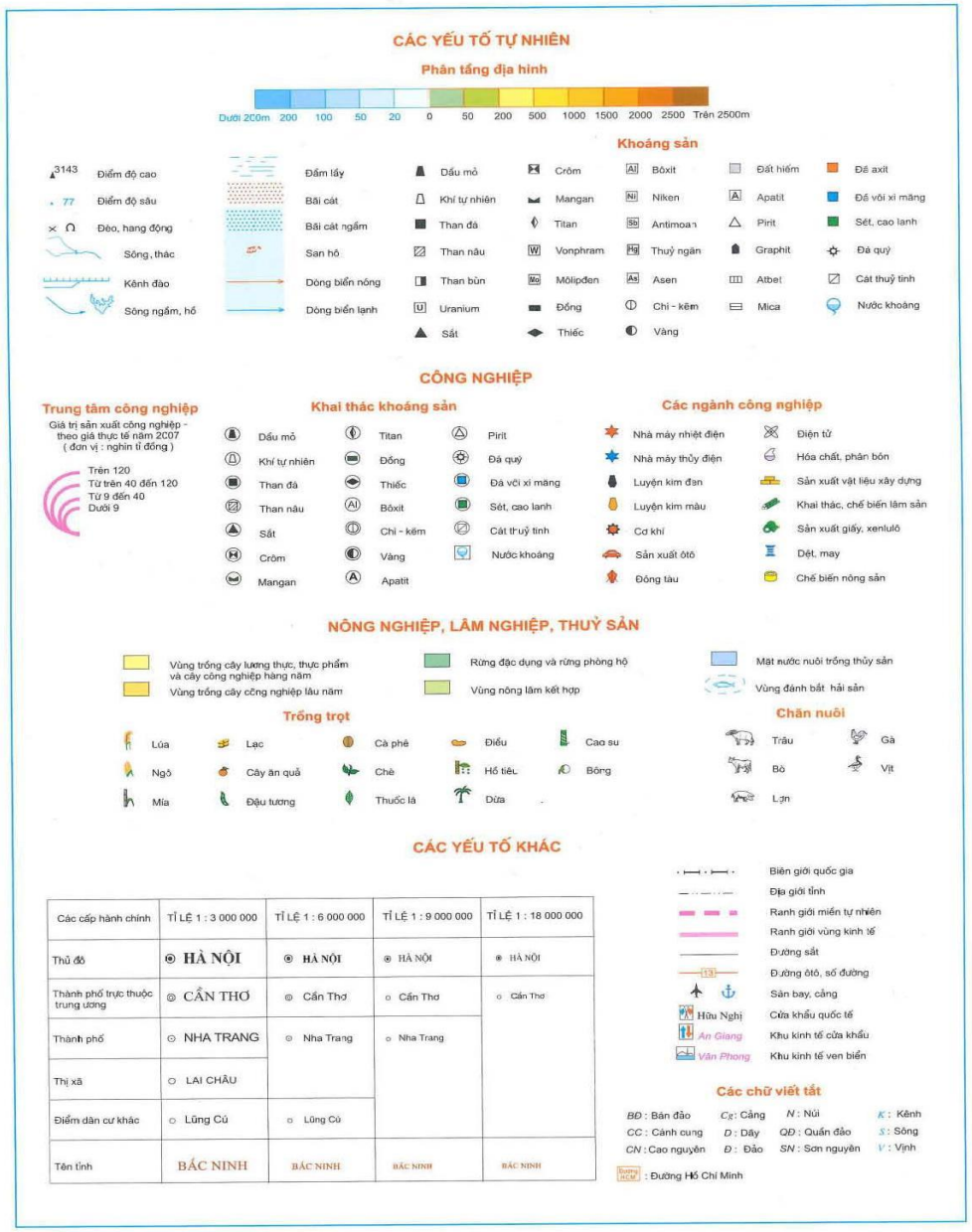

KÍ HIỆU CHUNG

CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN

Phân tầng địa hình

Dưới 200m 200 100 50 20 0 50 200 500 1000 1500 2000 2500 Trên 2500m

Khoáng sản

3143 Điểm độ cao
77 Điểm độ sâu
Đèo, hang động
Sông, thác
Kênh đào
Sông ngầm, hồ
Đầm lầy
Bãi cát
Bãi cát ngầm
San hô
Dòng biển nóng
Dòng biển lạnh
Dầu mỏ
Khí tự nhiên
Than đá
Than nâu
Than bùn
Uranium
Sắt
Crôm
Mangan
Titan
Vonphram
Môlipđen
Đồng
Thiếc
Bôxit
Niken
Antimoan
Thuỷ ngân
Asen
Chì - kẽm
Vàng
Đất hiếm
Apatit
Pirit
Graphit
Atbet
Mica
Đá axit
Đá vôi xi măng
Sét, cao lanh
Đá quý
Cát thuỷ tinh
Nước khoáng

CÔNG NGHIỆP

Trung tâm công nghiệp
Giá trị sản xuất công nghiệp - theo giá thực tế năm 2007 (đơn vị : nghìn tỉ đồng)
Trên 120
Từ trên 40 đến 120
Từ 9 đến 40
Dưới 9

Khai thác khoáng sản
Dầu mỏ, Khí tự nhiên, Than đá, Than nâu, Sắt, Crôm, Mangan, Titan, Đồng, Thiếc, Bôxit, Chì - kẽm, Vàng, Apatit, Pirit, Đá quý, Đá vôi xi măng, Sét, cao lanh, Cát thuỷ tinh, Nước khoáng

Các ngành công nghiệp
Nhà máy nhiệt điện, Nhà máy thủy điện, Luyện kim đen, Luyện kim màu, Cơ khí, Sản xuất ôtô, Đóng tàu, Điện tử, Hóa chất, phân bón, Sản xuất vật liệu xây dựng, Khai thác, chế biến lâm sản, Sản xuất giấy, xenlulô, Dệt, may, Chế biến nông sản

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

Vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm
Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm
Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ
Vùng nông lâm kết hợp
Mặt nước nuôi trồng thủy sản
Vùng đánh bắt hải sản

Trồng trọt
Lúa, Ngô, Mía, Lạc, Cây ăn quả, Đậu tương, Cà phê, Chè, Thuốc lá, Điều, Hồ tiêu, Dừa, Cao su, Bông

Chăn nuôi
Trâu, Bò, Lợn, Gà, Vịt

CÁC YẾU TỐ KHÁC

Các cấp hành chính	TỈ LỆ 1 : 3 000 000	TỈ LỆ 1 : 6 000 000	TỈ LỆ 1 : 9 000 000	TỈ LỆ 1 : 18 000 000
Thủ đô	HÀ NỘI	HÀ NỘI	HÀ NỘI	HÀ NỘI
Thành phố trực thuộc trung ương	CẦN THƠ	Cần Thơ	Cần Thơ	Cần Thơ
Thành phố	NHA TRANG	Nha Trang	Nha Trang	
Thị xã	LAI CHÂU			
Điểm dân cư khác	Lũng Cú	Lũng Cú		
Tên tỉnh	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH

Biên giới quốc gia
Địa giới tỉnh
Ranh giới miền tự nhiên
Ranh giới vùng kinh tế
Đường sắt
Đường ôtô, số đường
Sân bay, cảng
Hữu Nghị Cửa khẩu quốc tế
An Giang Khu kinh tế cửa khẩu
Vân Phong Khu kinh tế ven biển

Các chữ viết tắt
BĐ : Bán đảo, CC : Cánh cung, CN : Cao nguyên, Cg : Cảng, D : Dãy, Đ : Đảo, N : Núi, QĐ : Quần đảo, SN : Sơn nguyên, K : Kênh, S : Sông, V : Vịnh
Đường Hồ Chí Minh

KÍ HIỆU CHUNG

CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN

Phân tầng địa hình

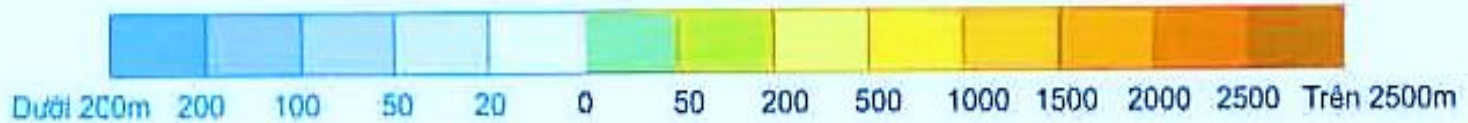

3143 Điểm độ cao

77 Điểm độ sâu

Đèo, hang động

Sông, thác

Kênh đào

Sông ngầm, hồ

Đầm lầy

Bãi cát

Bãi cát ngầm

San hô

Dòng biển nóng

Dòng biển lạnh

Khoáng sản

Dầu mỏ

Khí tự nhiên

Than đá

Than nâu

Than bùn

U Uranium

Sắt

Crôm

Mangan

Titan

W Vonphram

Mo Mölipđen

Đồng

Thiếc

Al Bôxit

Ni Niken

Sb Antimoan

Hg Thuỷ ngân

As Asen

Chì - kẽm

Vàng

Đất hiếm

A Apatit

Pirit

Graphit

Atbet

Mica

Đá axit

Đá vôi xi măng

Sét, cao lanh

Đá quý

Cát thuỷ tinh

Nước khoáng

CÔNG NGHIỆP

Trung tâm công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp - theo giá thực tế năm 2007 (đơn vị : nghìn tỉ đồng)

Trên 120
Từ trên 40 đến 120
Từ 9 đến 40
Dưới 9

Khai thác khoáng sản

Dầu mỏ
Khí tự nhiên
Than đá
Than nâu
Sắt
Crôm
Mangan
Titan
Đồng
Thiếc
Bôxit
Chì - kẽm
Vàng
Apatit
Pirit
Đá quý
Đá vôi xi măng
Sét, cao lanh
Cát thuỷ tinh
Nước khoáng

Các ngành công nghiệp

Nhà máy nhiệt điện
Nhà máy thủy điện
Luyện kim đen
Luyện kim màu
Cơ khí
Sản xuất ôtô
Đóng tàu
Điện tử
Hóa chất, phân bón
Sản xuất vật liệu xây dựng
Khai thác, chế biến lâm sản
Sản xuất giấy, xenlulô
Dệt, may
Chế biến nông sản

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

Vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm
Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm
Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ
Vùng nông lâm kết hợp
Mặt nước nuôi trồng thủy sản
Vùng đánh bắt hải sản

Trồng trọt

Lúa
Ngô
Mía
Lạc
Cây ăn quả
Đậu tương
Cà phê
Chè
Thuốc lá
Điều
Hồ tiêu
Dừa
Cao su
Bông

Chăn nuôi

Trâu
Bò
Lợn
Gà
Vịt

CÁC YẾU TỐ KHÁC

Các cấp hành chính	TỈ LỆ 1 : 3 000 000	TỈ LỆ 1 : 6 000 000	TỈ LỆ 1 : 9 000 000	TỈ LỆ 1 : 18 000 000
Thủ đô	◉ HÀ NỘI	◉ HÀ NỘI	◉ HÀ NỘI	◉ HÀ NỘI
Thành phố trực thuộc trung ương	◎ CẦN THƠ	◎ Cần Thơ	○ Cần Thơ	○ Cần Thơ
Thành phố	⊙ NHA TRANG	⊙ Nha Trang	○ Nha Trang	
Thị xã	○ LAI CHÂU			
Điểm dân cư khác	○ Lũng Cú	○ Lũng Cú		
Tên tỉnh	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH	BẮC NINH

Các chữ viết tắt

BĐ : Bán đảo	*Cg* : Cảng	*N* : Núi	*K* : Kênh
CC : Cánh cung	*D* : Dãy	*QĐ* : Quần đảo	*S* : Sông
CN : Cao nguyên	*Đ* : Đảo	*SN* : Sơn nguyên	*V* : Vịnh

Đường HCM : Đường Hồ Chí Minh

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Một số lưu ý khi khai thác Atlat

b. Xác định vị trí, đọc tên các đối tượng Địa lí trên bản đồ

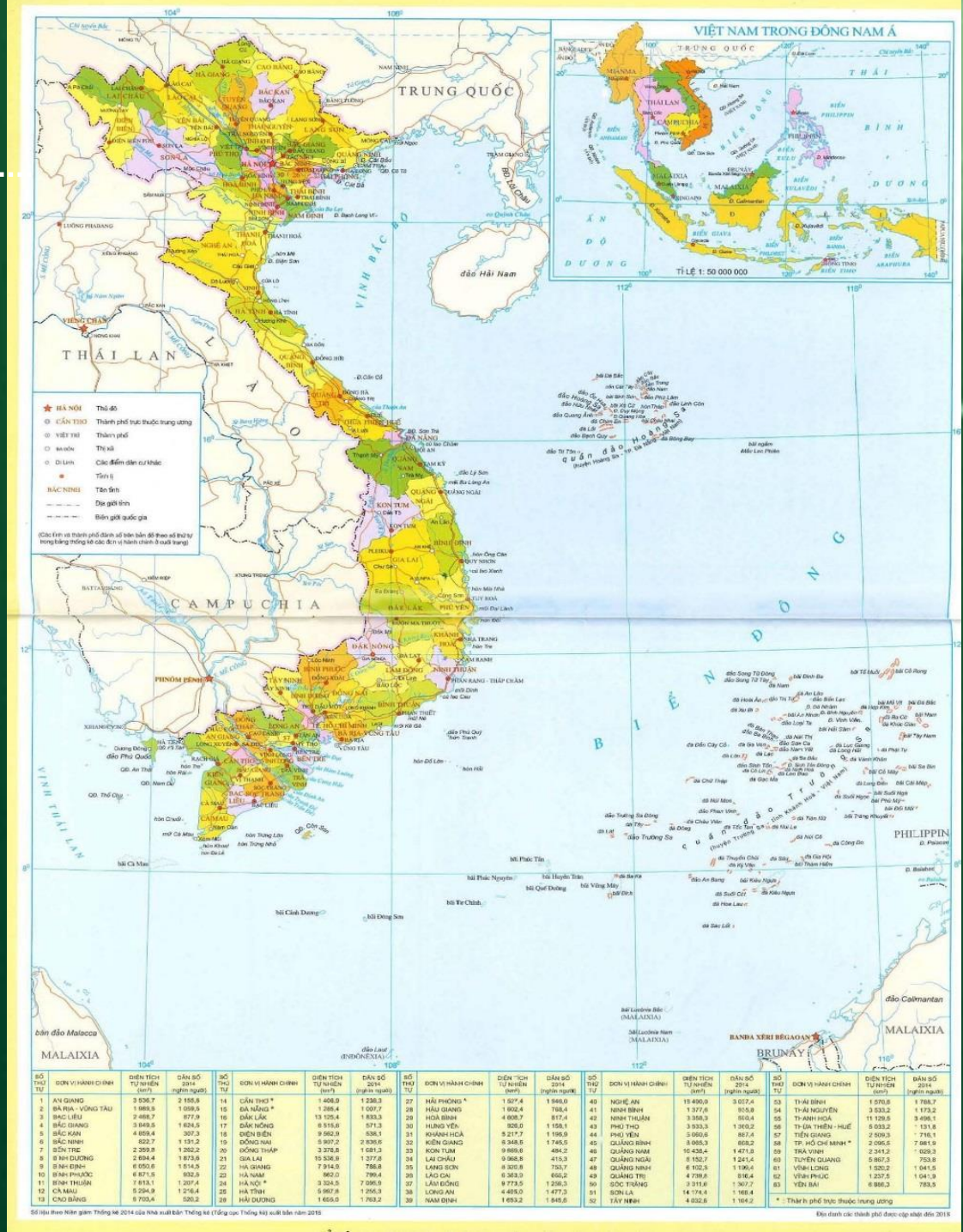

Trang 4,5 – HÀNH CHÍNH

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Một số lưu ý khi khai thác Atlat

c. Xác định được khoảng cách, phương hướng của đối tượng

Trang 4,5 – HÀNH CHÍNH

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Một số lưu ý khi khai thác Atlat

d. Mô tả đặc điểm, xác định mối quan hệ tương hỗ và nhân quả của các đối tượng

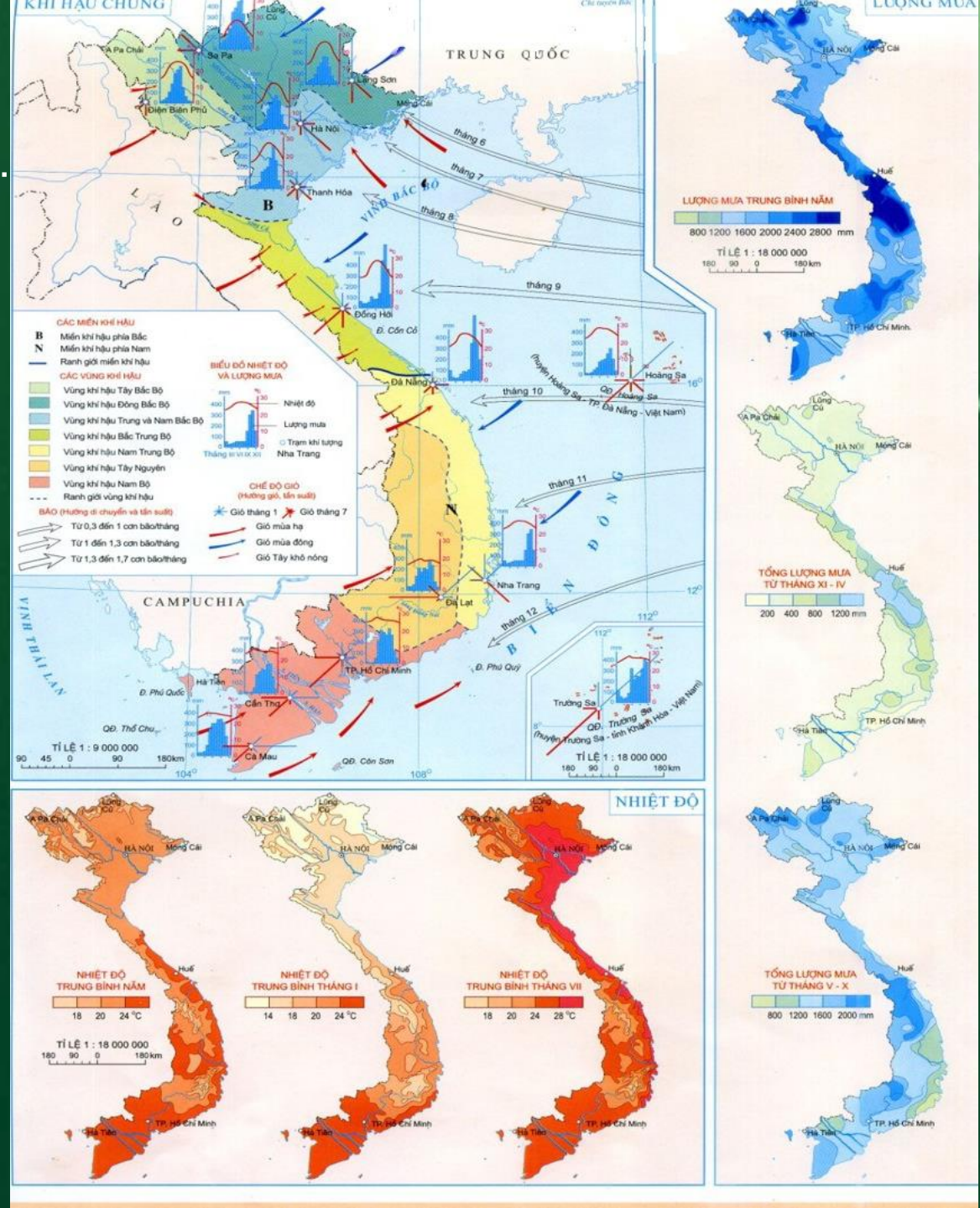

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1. Một số lưu ý khi khai thác Atlat

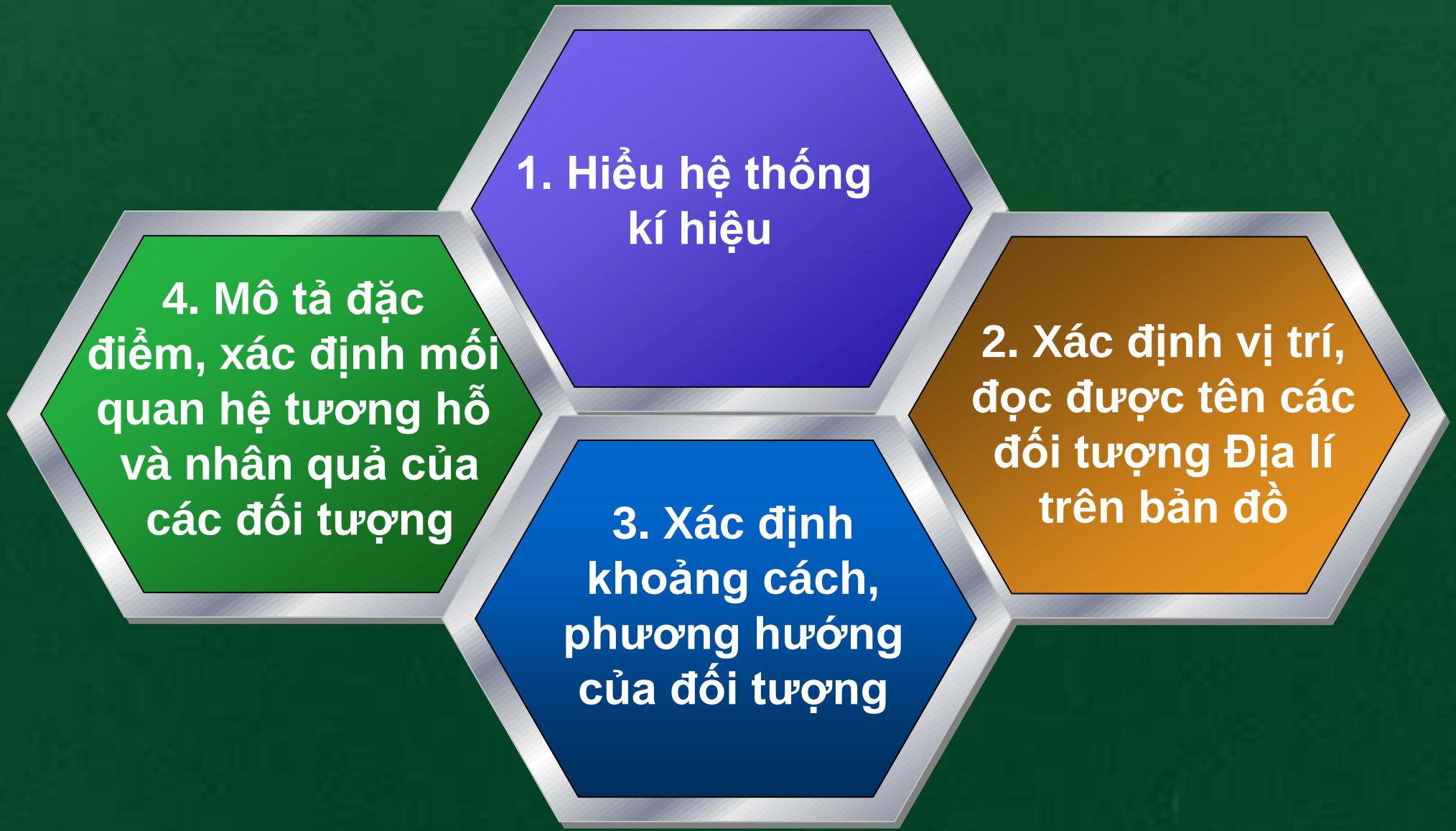

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

2. Hướng dẫn khai thác một trang Atlat

Bước 1

Đọc tên trang Atlat để biết những nội dung được thể hiện…

Bước 2

Đọc, tìm hiểu hệ thống kí hiệu của trang Atlat…

Bước 3

Căn cứ hệ thống kí hiệu, xác định được tên, đặc điểm, mối quan hệ của các đối tượng trên trang Atlat…

II. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

2. Hướng dẫn khai thác một số trang Atlat

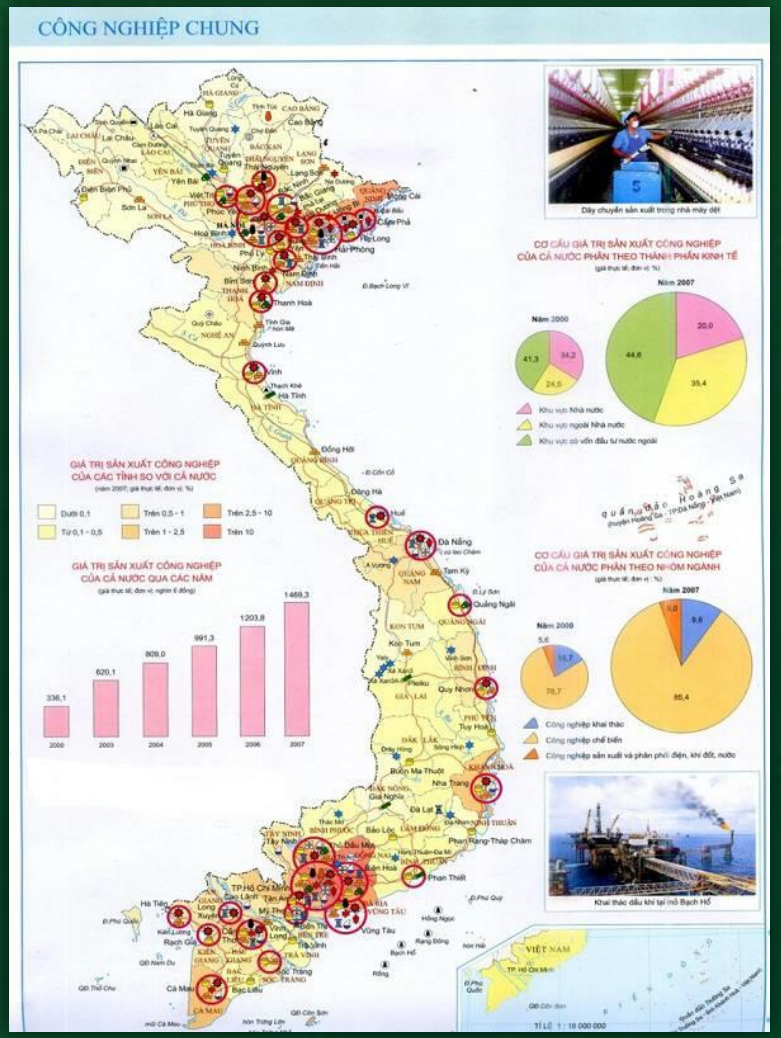

TRANG 15

- Dân số

TRANG 21

- Công nghiệp chung

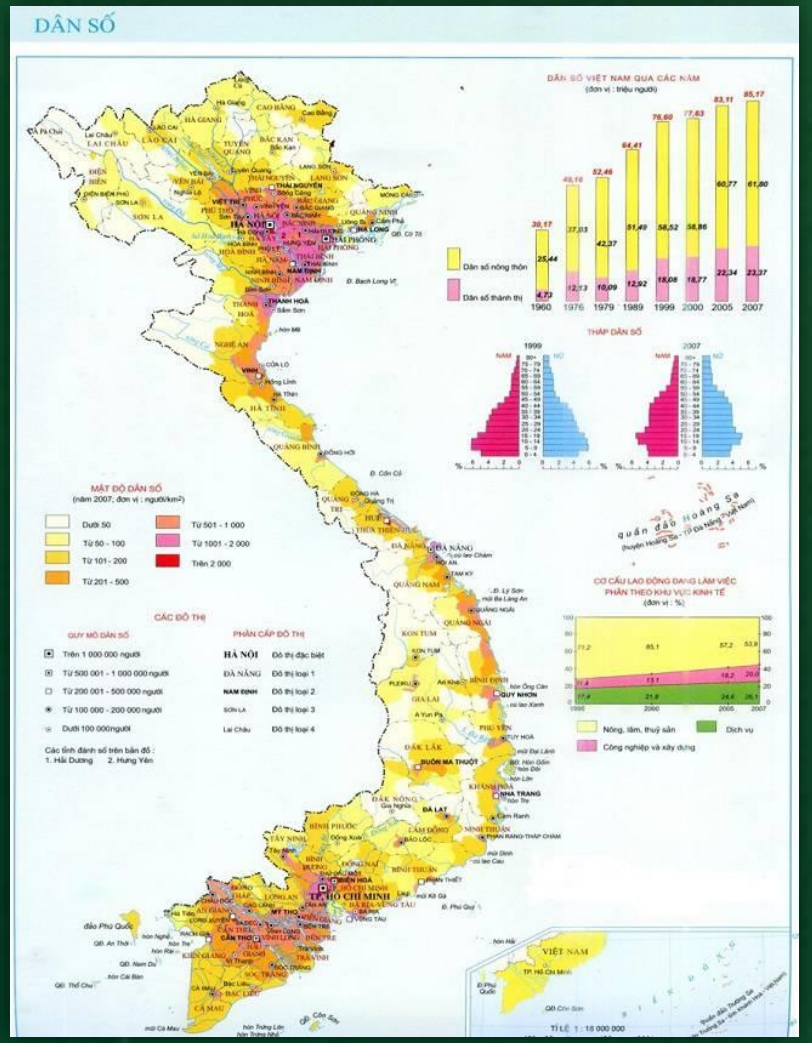

Trang 15: DÂN SỐ

01 Quy mô, gia tăng dân số

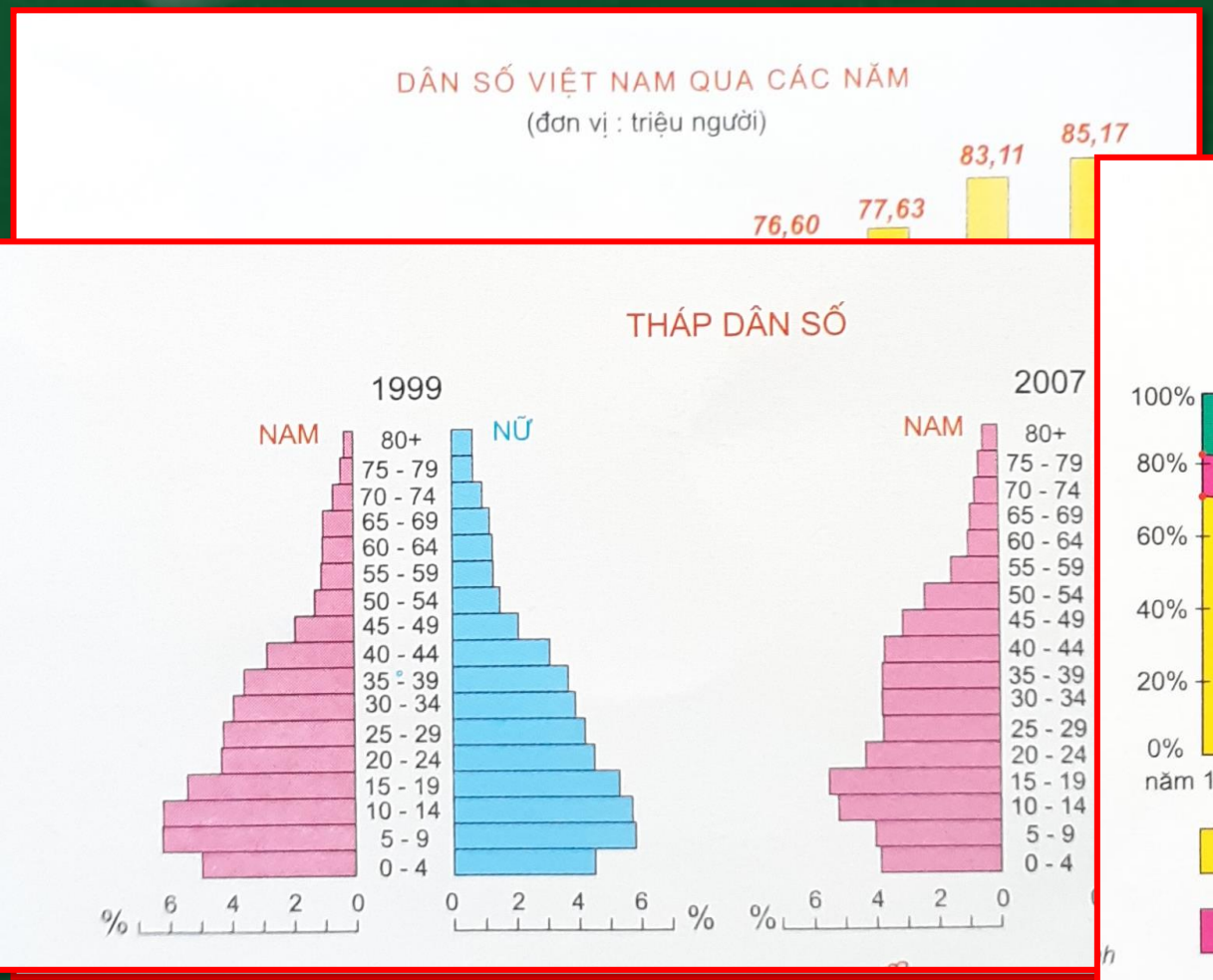

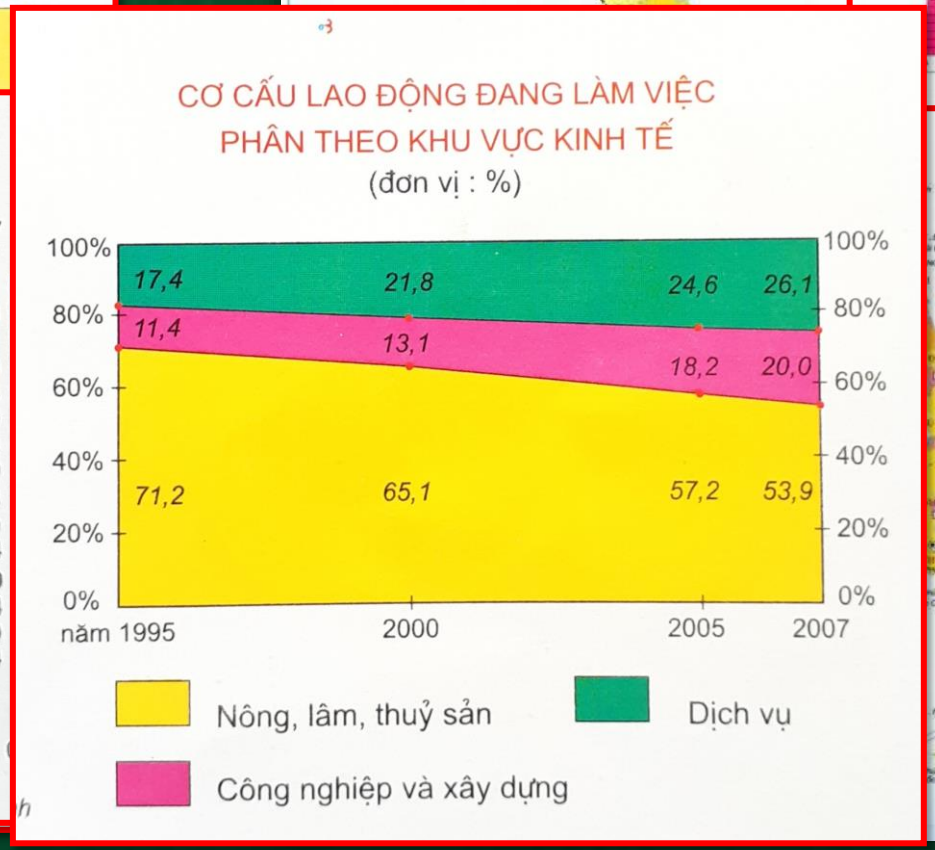

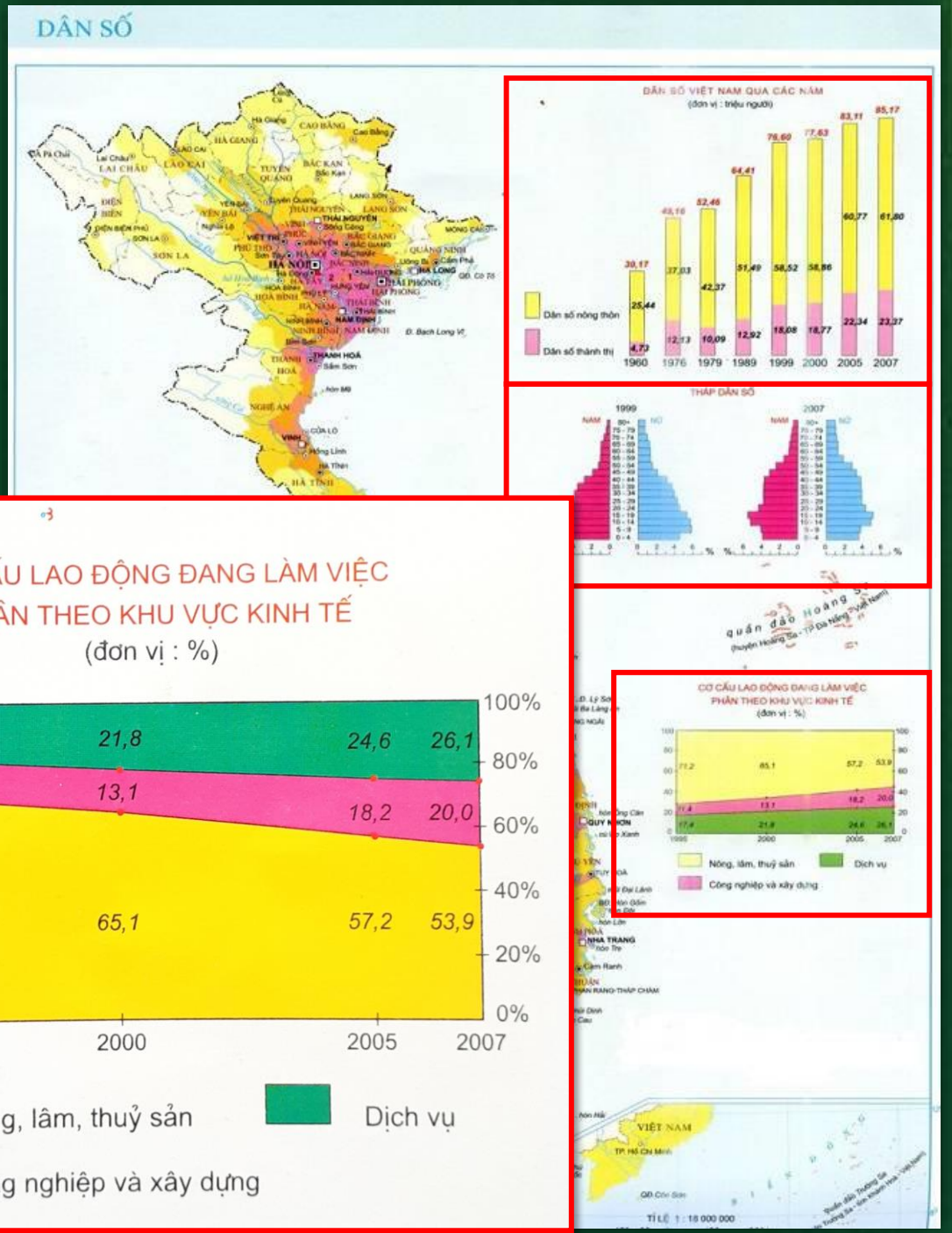

Trang 21: CÔNG NGHIỆP CHUNG

01 Giá trị sản xuất ngành công nghiệp

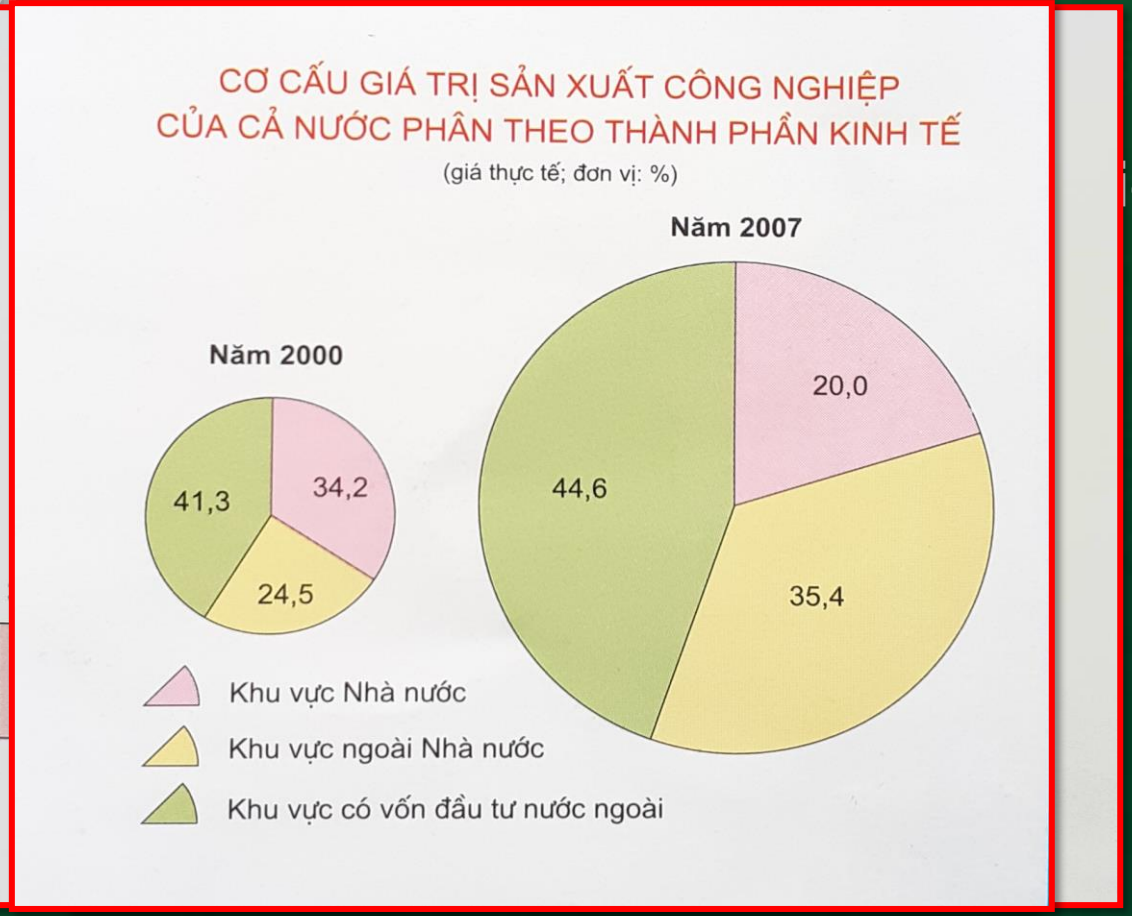

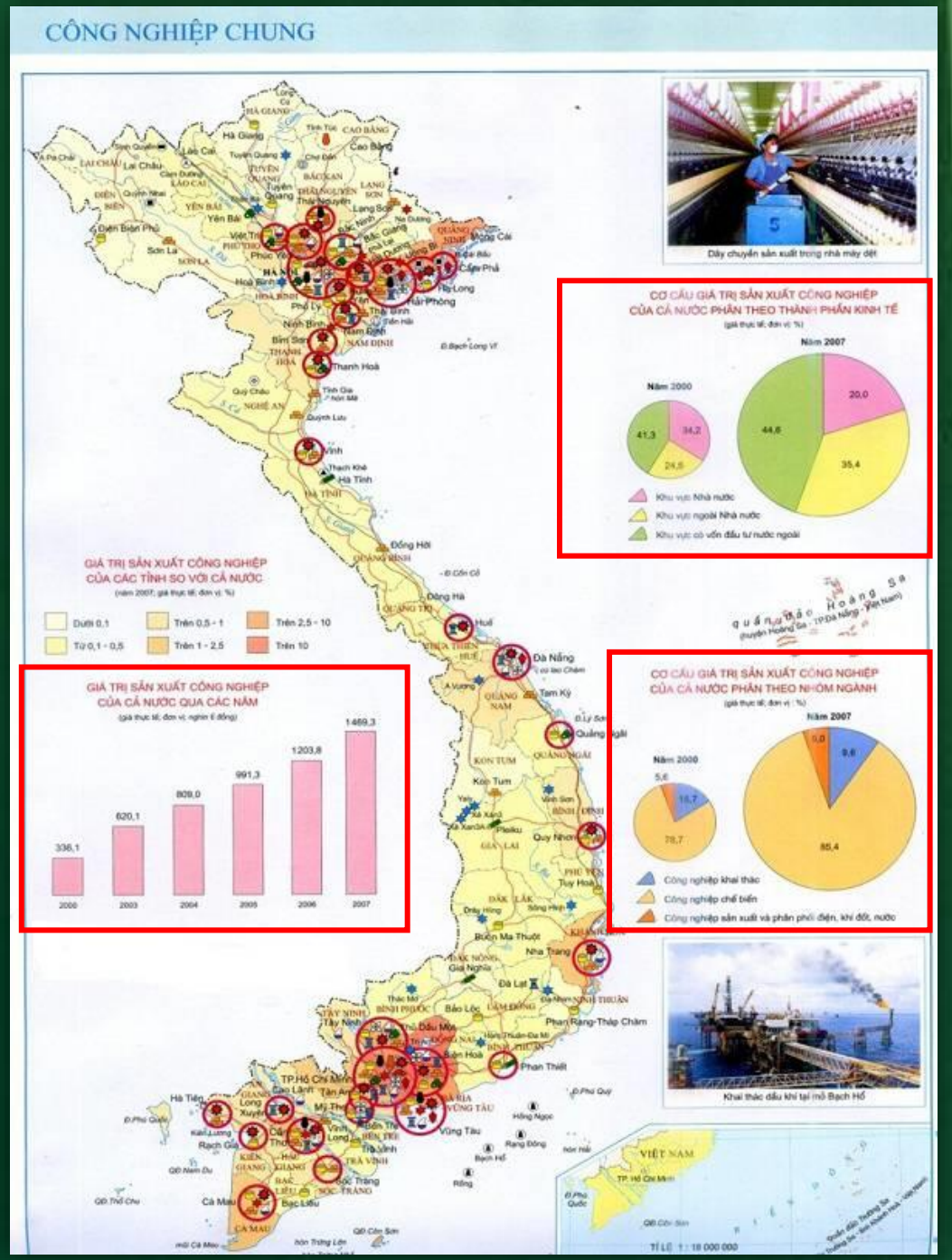

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

1. Các dạng câu hỏi sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam

Dạng câu hỏi đơn giản

- Căn cứ vào 1 trang Atlat để trả lời
- Đối tượng cần tìm được thể hiện trực quan trên bản đồ

Ví dụ: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa.
B. Nghệ An.
C. Hà Tĩnh.
D. Quảng Bình.

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

1. Các dạng câu hỏi sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam

Dạng câu hỏi phức tạp

- Căn cứ vào 1 hoặc nhiều trang Atlat để trả lời
- Sử dụng nhiều kĩ năng (xử lí số liệu, nhận xét biểu đồ…)

Ví dụ: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với ngành công nghiệp chế biến LTTP?

A. Giai đoạn 2000 – 2007, giá trị sản xuất tăng thêm 173,7%

B. Tỉ trọng của ngành CN chế biến LTTP giảm liên tục trong giai đoạn 2000 – 2007.

C. Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp chế biến LTTP tăng thêm bình quân 13,25 nghìn tỉ đồng/năm.

D. Giá trị tăng thêm bình quân hàng năm của giai đoạn 2000 – 2005 nhiều hơn giai đoạn 2005 - 2007

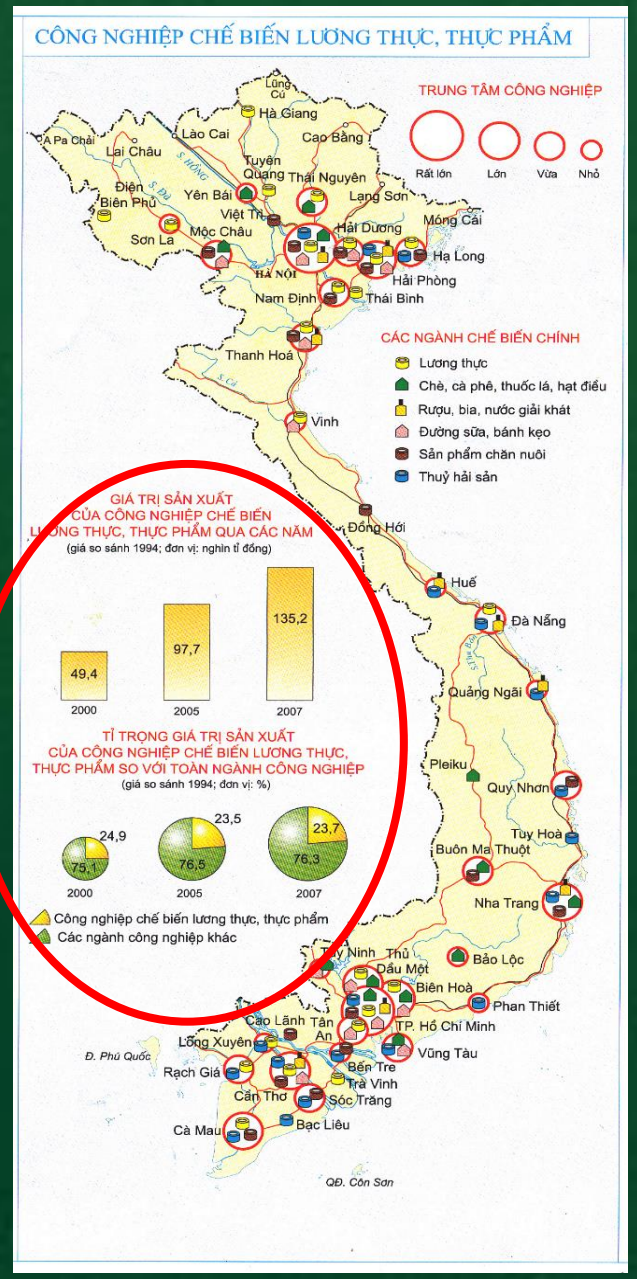

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

2. Các bước để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khi sử dụng Atlat

01 Xác định đối tượng Địa lí và trang Atlat cần sử dụng

02 Đọc bảng chú giải, tìm kí hiệu tương ứng với đối tượng

03 Lựa chọn đáp án đúng

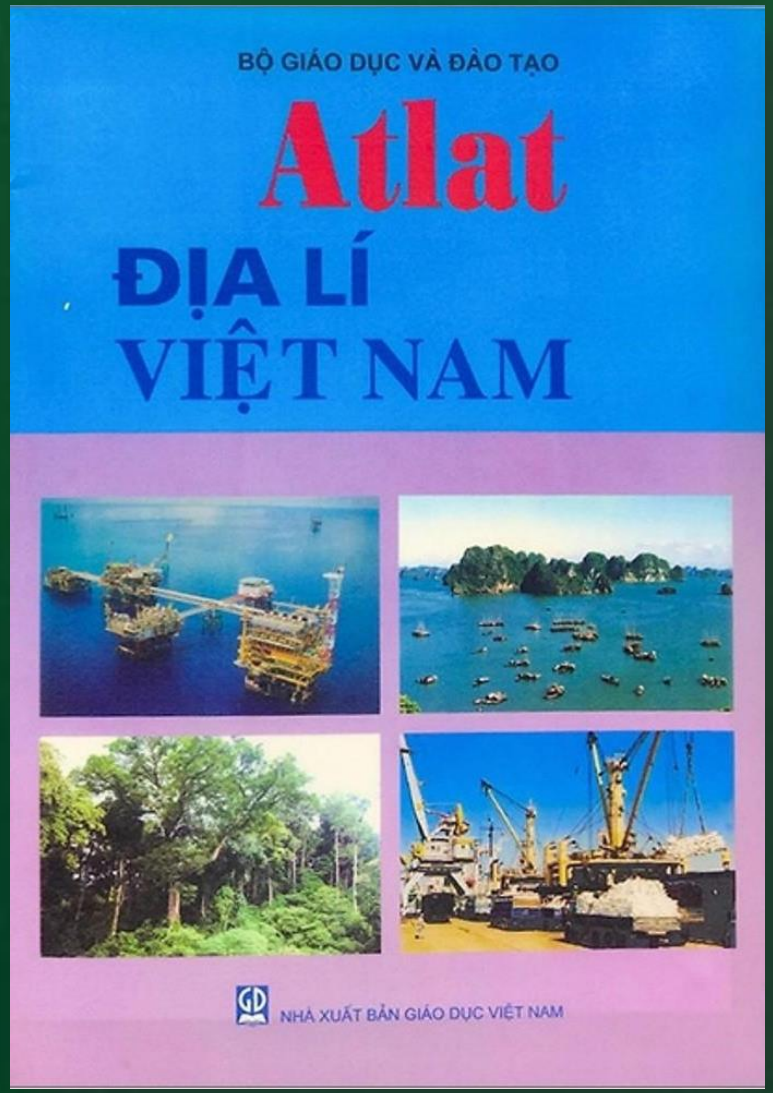

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

2. Các bước để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khi sử dụng Atlat

Ví dụ 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

A. Cát Bà
B. Ba Vì
C. Xuân Sơn
D. Hoàng Liên

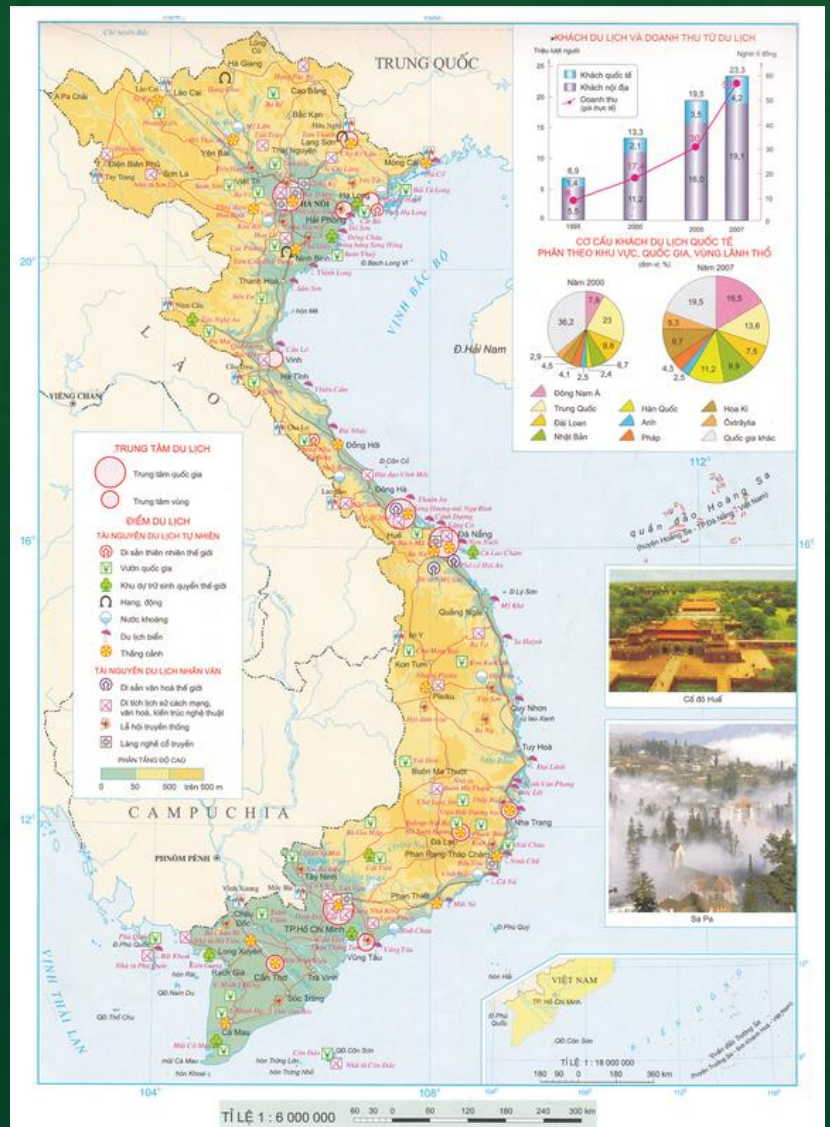

Ví dụ 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

A. Cát Bà

B. Ba Vì

C. Xuân Sơn

D. Hoàng Liên

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

2. Các bước để trả lời câu hỏi trắc nghiệm khi sử dụng Atlat

Ví dụ 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Trị.
B. Quảng Bình.
C. Thanh Hóa.
D. Nghệ An.

Ví dụ 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Trị.

B. Quảng Bình.

C. Thanh Hóa.

D. Nghệ An.

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

3. Bài tập

Câu 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lai Châu

B. Cao Bằng

C. Lạng Sơn

D. Điện Biên

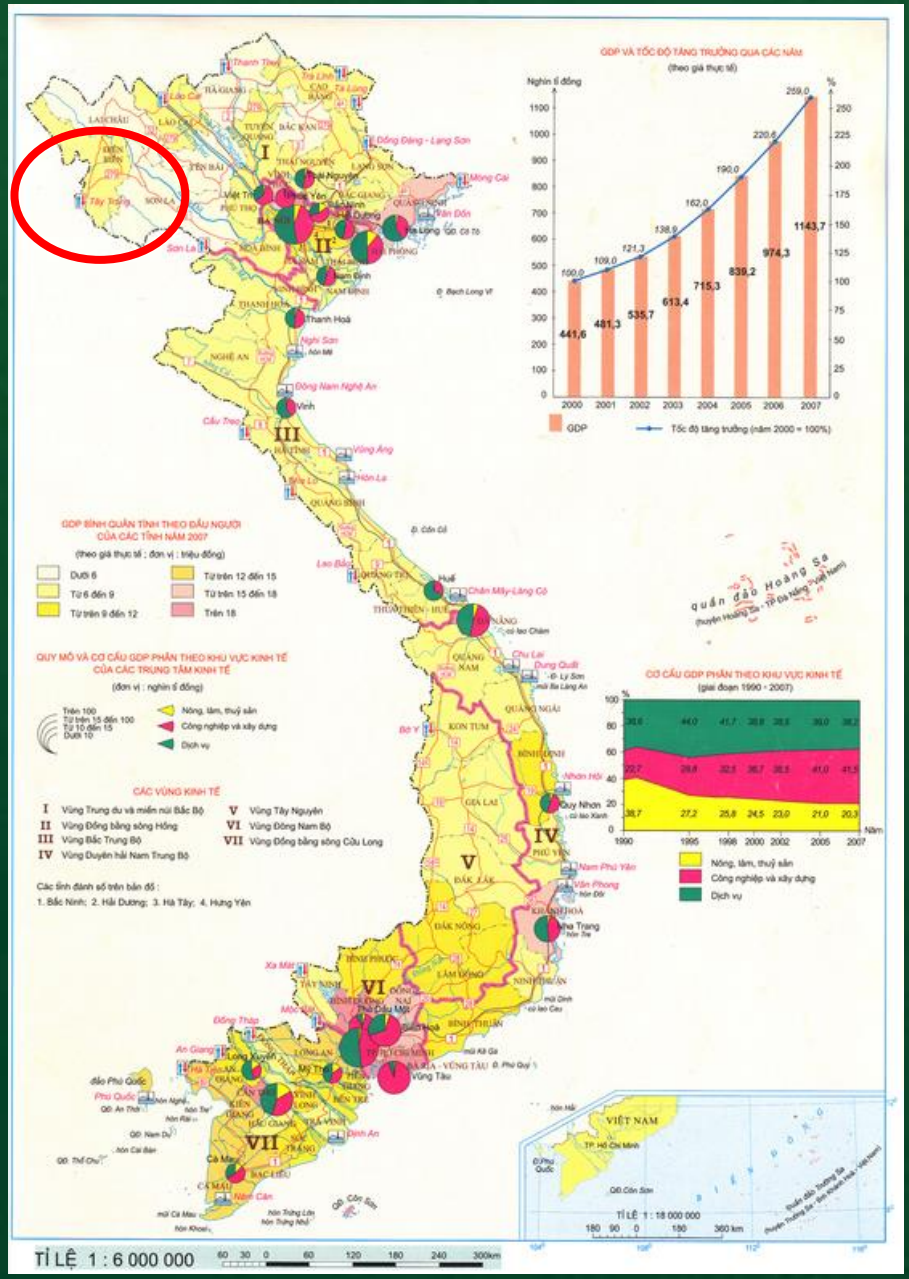

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

3. Bài tập

Câu 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với TP Hồ Chí Minh?

A. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.

C. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.

D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn

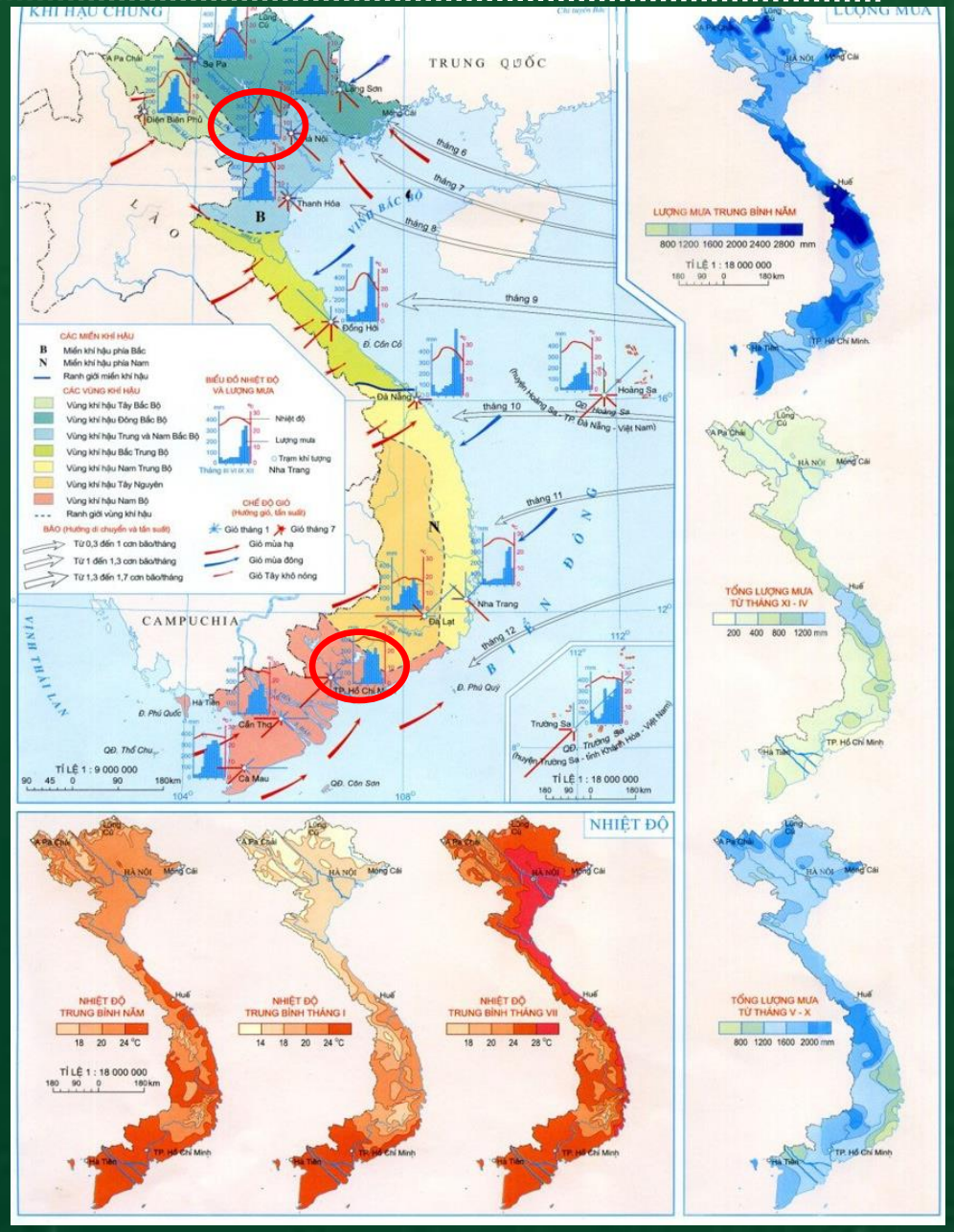

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

3. Bài tập

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng với công nghiệp năng lượng nước ta?

A. Sản lượng điện cả nước không tăng qua các năm.

B. Từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế có nhiều nhà máy điện nhất.

C. Nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông Hồng.

D. Nhà máy nhiệt điện Cà Mau dùng nhiên liệu khí.

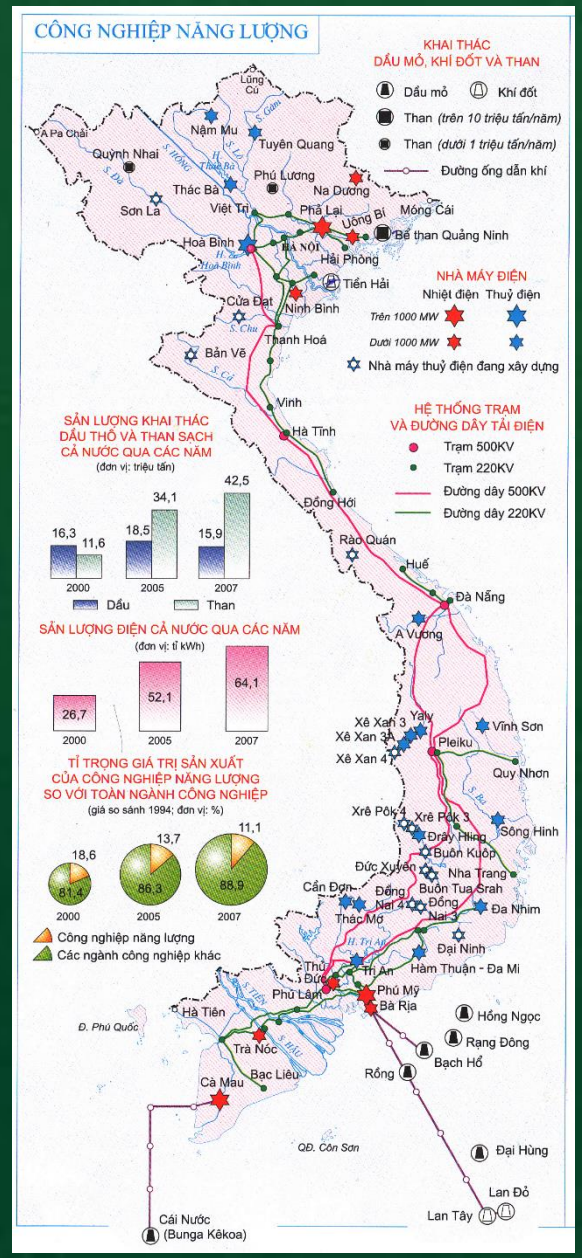

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

3. Bài tập

Câu 4: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta?

A. Công nghiệp chế biến LTTP phân bố rộng rãi.

B. Hải Phòng, Biên Hòa là các trung tâm quy mô lớn.

C. Có các trung tâm với quy mô rất lớn, lớn, vừa, nhỏ.

D. Đà Nẵng và Vũng Tàu có cơ cấu ngành giống nhau.

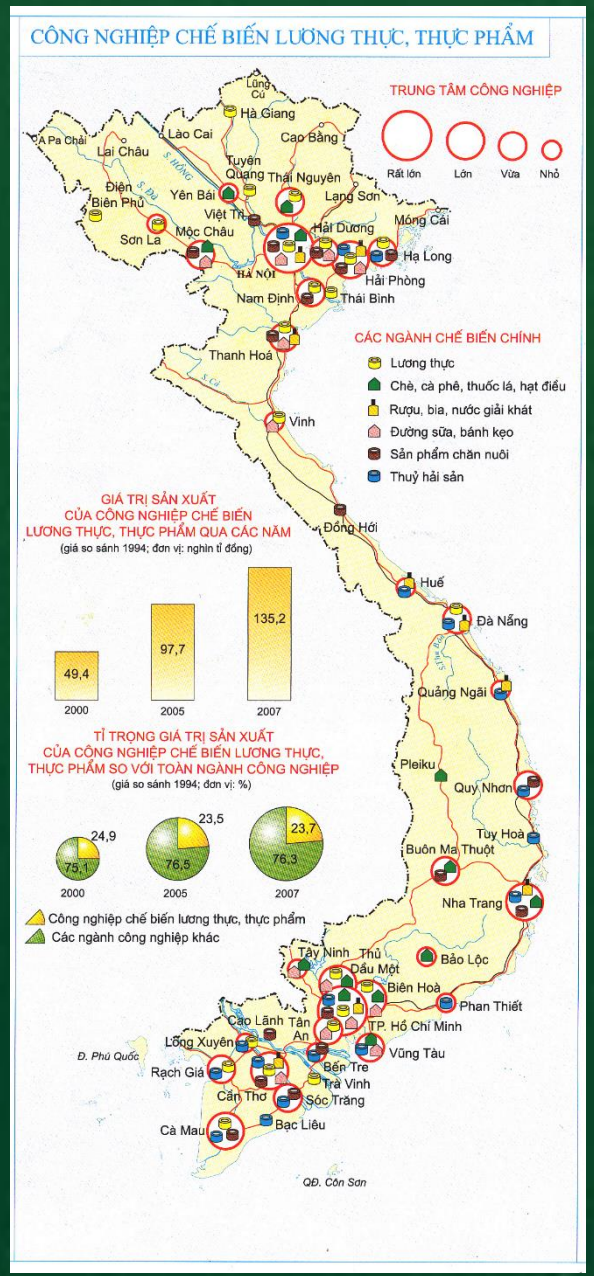

III. SỬ DỤNG ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM ĐỂ TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI

3. Bài tập

Câu 5: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?

A. Khai thác của Bình Thuận nhỏ hơn Hậu Giang.

B. Khai thác của Kiên Giang lớn hơn Đồng Tháp.

C. Nuôi trồng của Hậu Giang lớn hơn Đồng Tháp.

D. Nuôi trồng của Cà Mau nhỏ hơn Đồng Nai.

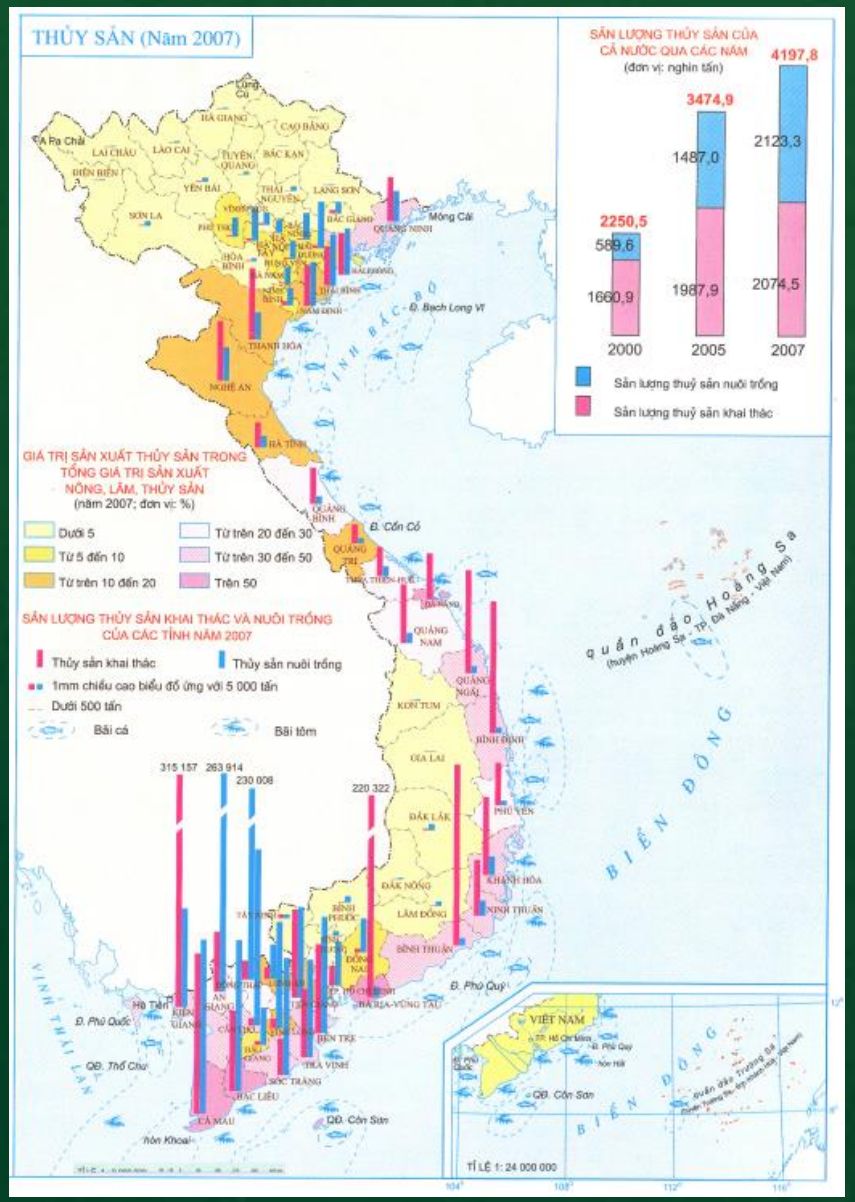

TỔNG KẾT

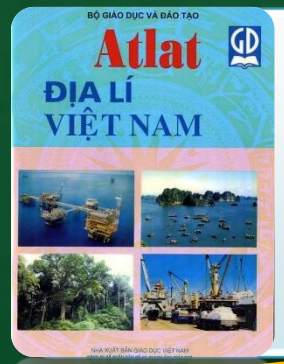

Kĩ năng khai thác Atlat Địa lí Việt Nam

- Giới thiệu về Atlat Địa lí Việt Nam
  - Cấu trúc chung
  - Cấu trúc 01 trang
- Hướng dẫn khai thác Atlat Địa lí Việt Nam
  - 4 lưu ý khi khai thác Atlat
  - 3 bước khai khai thác 1 trang Atlat
- Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam để trả lời các câu hỏi
  - Các dạng câu hỏi
    - Đơn giản
    - Phức tạp
  - Các bước trả lời câu hỏi trắc nghiệm Atlat
    - 3 bước

TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài tập 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 và trang 20 kết hợp với kiến thức đã học, hãy:

a. Kể tên các đô thị đặc biệt ở nước ta?

b. Nhận xét và giải thích về sự phân bố đô thị ở nước ta?

c. Chứng minh sự phân bố dân cư đô thị nước ta phù hợp với sự phân bố của hoạt động công nghiệp.

Bài tập 2: Tìm hiểu về các trang Atlat Địa lý Việt Nam theo cấu trúc sau:

TT	Tên trang Atlat	Nội dung bài học, kiến thức có thể khai thác được	Ghi chú
1			
2			
....			

THANK
YOU